

ĐỐI CHIẾU BIỂU THỨC NGÔN NGỮ ĐIỂN MẪU TRONG THỂ LOẠI BÀI BÁO KHOA HỌC TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC

Phạm Thị Tố Loan*

Trường Đại học Thương mại, 79 Hồ Tùng Mậu, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 16 tháng 6 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 21 tháng 8 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 10 năm 2023

Tóm tắt: Bài nghiên cứu nhận diện những đặc điểm tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng các biểu thức ngôn ngữ điển mẫu của 40 bài báo khoa học tiếng Anh và tiếng Việt trên các tạp chí ngành ngôn ngữ học trong nước và quốc tế. Dựa vào khung phân tích của Hyland (2008), kết quả cho thấy hầu hết tỷ lệ sử dụng các biểu thức ở khía cạnh liên quan đến nghiên cứu, văn bản và tham thể ở hai tập khối liệu có sự tương đồng đáng kể. Tuy nhiên, khối liệu tiếng Anh có tỷ lệ biểu thức trích dẫn cao hơn khối liệu tiếng Việt. Điều này cho thấy các tác giả Việt Nam chưa thật sự chú trọng việc trích dẫn những công bố của các nhà nghiên cứu khác. Nghiên cứu đưa ra hàm ý rằng các học phần viết học thuật và các khóa đào tạo viết bài báo khoa học dành cho sinh viên và giảng viên cần nhấn mạnh sự cần thiết của việc sử dụng biểu thức trích dẫn phù hợp nhằm gia tăng chất lượng bản thảo bài báo khi tác giả gửi đăng ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Từ khóa: biểu thức, ngôn ngữ điển mẫu, bài báo, Ngôn ngữ học, đối chiếu

1. Dẫn nhập

Trong quá trình soạn thảo bài báo khoa học, các nhà khoa học thường gặp khó khăn trong việc sử dụng các đơn vị ngôn ngữ chuẩn mực, phù hợp với quy ước của cộng đồng khoa học quốc tế (Flowerdew, 2008; Tariq & cộng sự, 2016). Vì vậy, việc sử dụng thành thạo những biểu thức điển mẫu sẽ giúp nâng cao chất lượng bản thảo, từ đó gia tăng cơ hội xuất bản bài báo trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Ngôn ngữ điển mẫu (thuật ngữ tiếng Anh là *formulaic expressions* hoặc *formulaic sequences*) được hiểu là chuỗi kết hợp các từ ngữ một cách liền mạch hoặc ngắt quãng, được thường xuyên sử dụng trong bài báo khoa học nhằm truyền tải chức năng giao tiếp cụ thể (Ädel, 2014; Cortes, 2013). Ví dụ, biểu thức “*các nghiên cứu về... còn rất hạn chế*” trong bài báo tiếng Việt hoặc biểu thức “*little attention has been paid to...*” (Các nghiên cứu về... chưa được quan tâm chú ý) trong bài báo tiếng Anh được xem là các ngôn ngữ phổ dụng nhằm chỉ ra sự thiếu hụt các nghiên cứu về vấn đề hiện tại. Trên thế giới, các nghiên cứu về diễn ngôn bài báo khoa học nói chung và đặc điểm ngôn ngữ của bài báo khoa học nói riêng đã được tiến hành, trong đó khá nhiều công trình xem xét biểu thức điển mẫu trong bài báo khoa học (Liu, 2012; Omidian & cộng sự, 2018; Vincent, 2013). Những nghiên cứu này đã cung cấp các vấn đề lý luận hữu ích và các khuyến nghị thực tiễn cho các nhà nghiên cứu, đặc biệt là các nhà nghiên cứu non trẻ. Các nghiên cứu chỉ ra rằng ngôn ngữ điển mẫu được sử dụng thường xuyên trong các bài viết có chất lượng tốt. Ngược lại, sự khiêm diện của các ngôn ngữ điển mẫu trong bài báo chứng tỏ tác giả chưa có nhiều kinh nghiệm và

* Tác giả liên hệ

Email: phamtoloan84@gmail.com

kỹ năng xử lý văn bản trong văn phong hàn lâm (McCully, 1985; Wray, 2002). Các nghiên cứu trước đây cũng phát hiện ra rằng ở các bài báo quốc tế được xuất bản bằng tiếng Anh, các tác giả không phải là người bản ngữ tiếng Anh (non-English) có xu hướng sử dụng ít biểu thức điển mẫu hơn tác giả bản ngữ tiếng Anh (English-native) (Qin, 2014).

Tại Việt Nam, trong những năm gần đây, tuy nền học thuật nước nhà đã có những bước tiến đáng kể trong xuất bản khoa học nhưng số lượng công trình nghiên cứu của Việt Nam trên các tạp chí uy tín thế giới vẫn còn khá khiêm tốn so với các nước trong khu vực và trên thế giới (Tran & cộng sự, 2020). Để nâng cao chất lượng bài báo, ngoài việc đáp ứng các yêu cầu như: cấu trúc chuẩn mực, phương pháp nghiên cứu tin cậy, tính thời sự của nghiên cứu, v.v. thì ngôn ngữ sử dụng trong bài báo chiếm vị trí quan trọng, làm nên thành công của bản thảo bài báo. Tuy nhiên, trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu đi trước, chúng tôi nhận thấy nghiên cứu về ngôn ngữ điển mẫu trong bài báo ở bối cảnh Việt Nam vẫn là một địa hạt chưa được nhiều tác giả khám phá nhằm bổ sung tri thức về diễn ngôn bài báo khoa học trong nước. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm tìm hiểu những tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng biểu thức điển mẫu ở khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó đưa ra những khuyến nghị và gợi ý nhằm nâng cao chất lượng bản thảo bài báo khoa học, đặc biệt là bài báo soạn thảo bằng tiếng Anh của tác giả Việt Nam.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Biểu thức ngôn ngữ phổ dụng trong bài báo khoa học

Trong một nghiên cứu dựa trên khối ngữ liệu lớn các bài báo khoa học, Hyland (2008) đã đề xuất một khung phân tích chuỗi ngôn ngữ phổ dụng (formulaic sequences) bao gồm: 1) chuỗi liên quan đến nghiên cứu dùng để trình bày cấu trúc của các hoạt động trong nghiên cứu (ví dụ: *at the beginning, at the same time, in the present study*); 2) chuỗi liên quan đến văn bản giúp người viết tổ chức văn bản và đưa ra lập luận (ví dụ: *the results suggest that, on the one hand, on the other hand*); và 3) chuỗi liên quan đến tham thể có mục đích hướng đến người đọc và người viết trong văn bản (ví dụ: *It is possible that, It should be noted that, It may be due to*). Khung phân tích được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1

Khung phân tích chuỗi ngôn ngữ phổ dụng (dẫn theo Hyland, 2008)

Chuỗi liên quan đến nghiên cứu (Research oriented)	Chuỗi liên quan đến văn bản (Text oriented)	Chuỗi liên quan đến tham thể (Participant oriented)
1. Vị trí: chỉ ra thời gian và vị trí (<i>at the beginning, at the same time, in the present study...</i>)	1. Tín hiệu chuyển tiếp (bổ sung, tương phản): (<i>in addition to..., on the other hand</i>)	1. Thái độ, lập trường: thể hiện thái độ và đánh giá của người viết (<i>is likely to..., may be due to...</i>)
2. Cách thức: đề cập đến sự kiện, hành động, và phương pháp (<i>by means of, the use of the...</i>)	2. So sánh: so sánh và đối chiếu các yếu tố (<i>as compared with...</i>)	2. Tham thoại: hướng đến độc giả (<i>It should be noted that..., as can be seen...</i>)
3. Định lượng: đo lường, số lượng, tỷ lệ (<i>total volum of, a wide range of, one of the ...</i>)	3. Suy luận: rút ra kết luận từ dữ liệu (<i>The result suggests that...</i>)	

4. Mô tả: chỉ rõ chất lượng, mức độ, và sự tồn tại (<i>the structure of, the size of the...</i>)	4. Nguyên nhân: mối quan hệ nguyên nhân - kết quả giữa các yếu tố (<i>As a result of...</i>)
5. Chủ đề: liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu (<i>in the Hong Kong, the currency board system</i>)	5. Cấu trúc: tổ chức các đoạn diễn ngôn hoặc hướng người đọc đến một ý khác đã được đề cập trong văn bản (<i>as described previously..., in the next section...</i>)
	6. Khuôn khổ: đưa ra lập luận bằng cách nêu điều kiện giới hạn (<i>in the case of..., with respect to...</i>)
	7. Trích dẫn: trích nguồn và dữ liệu hỗ trợ (<i>...has claimed that...</i>)
	8. Khái quát: các sự kiện hoặc tuyên bố được chấp nhận (<i>little is known about...</i>)
	9. Mục tiêu: giới thiệu mục tiêu của người viết (<i>The study aims at...</i>)

Khung phân tích này thể hiện sự ưu việt ở chỗ nghiên cứu sử dụng khối ngữ liệu lớn, có tính khái quát cao và được sử dụng rộng rãi (Qin, 2014; Jalilifar & Qoreishi, 2018; Casal & Yoon, 2023). Các nghiên cứu đi trước đưa ra khuyến nghị rằng chương trình viết học thuật nên giới thiệu hệ thống đơn vị ngôn ngữ điển mẫu cho sinh viên và các nhà nghiên cứu trẻ. Hệ thống dữ liệu này cần thỏa mãn các tiêu chí như: 1) ngôn ngữ điển mẫu cần liên quan đến nhóm ngành thuộc chuyên môn của sinh viên/ giảng viên; 2) được tập hợp từ các tạp chí chuyên ngành; và 3) phân nhóm theo mục đích giao tiếp của văn bản. Điều này cũng hỗ trợ sinh viên và nhà khoa học trẻ nhận biết về mức độ sử dụng các ngôn ngữ phổ dụng và kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng bài báo khoa học (Cortes, 2013).

2.2. Các nghiên cứu liên quan

Trong những năm gần đây, biểu thức ngôn ngữ phổ dụng (hay còn gọi là ngôn ngữ điển mẫu, ngôn ngữ điển dạng) trong văn phong học thuật đã thu hút sự quan tâm chú ý và là đối tượng nghiên cứu của nhiều học giả trên thế giới (Ädel, 2014; Omidian & cộng sự, 2018; Vincent, 2013). Các nghiên cứu chủ yếu xem xét biểu thức phổ dụng ở các ngành như toán học (Cunningham, 2017), khoa học xã hội (Lu & cộng sự, 2018), y học (Jalali & Moin, 2014), tâm lý học (Esfandiari & Barbary, 2017) và ngôn ngữ học ứng dụng (Qin, 2014). Theo Wray (2022), việc sử dụng ngôn ngữ điển mẫu là dấu hiệu nhận biết người nghiên cứu thuộc cộng đồng diễn ngôn nhất định bởi ngôn ngữ mang tính công thức (formulaic) được hình thành và phát triển trong cộng đồng, được sử dụng lặp lại thường xuyên để diễn đạt các mục đích giao tiếp riêng biệt. Vì vậy, Cortes (2013) đề xuất kết hợp ngôn ngữ phổ dụng với mục đích giao tiếp để thể hiện ý định của tác giả. Ví dụ, khi các tác giả bài báo sử dụng biểu thức “*beyond the scope*” hoặc “*is beyond the scope of this paper*” thì mục đích giao tiếp của tác giả là chỉ ra hạn chế của nghiên cứu hiện tại; hay nói cách khác, tác giả ngầm định rằng người thực hiện nghiên cứu

không có đủ thời gian hoặc năng lực để bao quát hết các khía cạnh của vấn đề (Iwatsuki & cộng sự, 2020).

Mỗi thể loại văn bản học thuật bao gồm một tập hợp biểu thức điển mẫu riêng biệt gắn liền với mục đích giao tiếp cụ thể (Biber & Barbieri, 2007). Một số phát hiện về phong cách sử dụng biểu thức điển mẫu của tác giả phi bản ngữ tiếng Anh (non-native) và tác giả bản ngữ tiếng Anh (native) đã được kết luận bởi một số học giả trên thế giới. Đơn cử, văn bản của người phi bản ngữ có xu hướng sử dụng ít ngôn ngữ phổ dụng hơn (Granger, 1998), và văn phong của họ cho thấy sự thiếu hiểu biết về ngữ vựng, sự không phù hợp về sử dụng cụm từ, và sự thiếu chính xác về ngữ nghĩa (Gilquin & cộng sự, 2007). Ädel & Erman (2012) cũng cho rằng tác giả phi bản ngữ chưa sử dụng ngôn ngữ điển mẫu một cách phù hợp và chưa tri nhận một cách đầy đủ về các chức năng dụng học theo quy ước của tiếng Anh bản ngữ. Các nhà nghiên cứu cũng kết luận rằng ngôn ngữ điển mẫu sẽ được lĩnh hội dần dần theo thời gian và những người sử dụng ngôn ngữ trôi chảy có khả năng biểu đạt một vốn biểu thức điển mẫu phong phú. Việc sử dụng thành thạo biểu thức phổ dụng có thể được hình thành thông qua kênh đào tạo chính thức hoặc phi chính thức như: đọc ngẫu nhiên, đọc mở rộng các văn bản học thuật (extensive reading), và sử dụng lặp lại biểu thức thông qua hình thức viết mở rộng (extensive writing) (Ellis, 2008; Li & Schmitt, 2009).

Tại Việt Nam, trong thập kỷ vừa qua, diễn ngôn bài báo khoa học đã thu hút nhiều sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu ngôn ngữ. Cụ thể, các nghiên cứu chuyên ngành đã bàn luận về: 1) cấu trúc thể loại của bài báo nghiên cứu (Nguyễn Thụy Phương Lan, 2012; Nguyễn Thị Minh Tâm & Ngô Hữu Hoàng, 2017; Cao Thị Hồng Phương, 2018; Nguyễn Thị Tuyết Mai, 2019); 2) đánh giá ngôn ngữ trong văn bản khoa học (Lâm Quang Đông, 2017; Nguyễn Bích Hồng, 2021); 3) tình thái trong văn bản khoa học (Nguyễn Thị Thu Thủy, 2012; Tôn Nữ Mỹ Nhật & Nguyễn Thị Diệu Minh, 2020); 4) liên kết và mạch lạc (Đinh Thị Xuân Hạnh, 2019); 5) sách dịch “Thể loại: dẫn nhập lịch sử, lý thuyết, nghiên cứu và phương pháp giảng dạy” (Hoàng Văn Vân, 2020). Các nhà khoa học này đã góp phần đặt nền móng cho lĩnh vực nghiên cứu diễn ngôn bài báo khoa học tại Việt Nam, đồng thời đưa ra những khuyến nghị thực tiễn cho các tác giả và tạp chí chuyên ngành trong việc nâng cao chất lượng văn bản khoa học nhằm theo kịp chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu về ngôn ngữ sử dụng trong bài báo khoa học, đặc biệt là ngôn ngữ điển mẫu hầu như chưa được khai phá. Nhận thấy khoảng trống này, nghiên cứu có mục đích tìm hiểu vấn đề này để nhận diện những tương đồng và khác biệt trong các bài báo khoa học tiếng Anh và tiếng Việt, từ đó đưa ra các hàm ý chính sách và khuyến nghị thực tiễn nhằm nâng cao năng lực viết bài của các tác giả Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Xây dựng khối liệu

Nghiên cứu này dựa trên phương pháp phân tích khối liệu (corpus analysis). Theo đó, khối liệu trong các nghiên cứu đối chiếu xuyên ngôn ngữ bao gồm hai kiểu loại: *khối ngữ liệu dịch* (văn bản gốc và văn bản dịch tương đương của nó ở ngôn ngữ khác) và *khối ngữ liệu có thể so sánh* (văn bản gốc trong hai hoặc nhiều ngôn ngữ) (Granger, 2003). Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng khối ngữ liệu có thể so sánh, được thu thập từ 40 bài báo gồm 20 bài báo tiếng Anh và 20 bài báo tiếng Việt trên các tạp chí trong nước và quốc tế thuộc ngành ngôn ngữ học. Các tạp chí này đều có uy tín học thuật cao tại Việt Nam và trên thế giới. Cụ thể, các bài báo tiếng Anh được lựa chọn từ ba tạp chí chỉ mục trong hệ thống xếp hạng của Scopus gồm: *Tạp chí Journal of Linguistics* (Scopus Q1), *Tạp chí English for Specific Purposes* (Scopus Q1), và *Tạp chí Journal of English Linguistics* (Scopus Q1). Các bài báo tiếng Việt

được trích xuất từ ba tạp chí: *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ* và *Tạp chí Từ điển học và bách khoa thư*. Ba tạp chí tiếng Việt đều thuộc danh mục các tạp chí hàng đầu của Việt Nam, được xếp loại từ 0,5 đến 1 điểm theo quyết định phê duyệt Danh mục tạp chí khoa học của Hội đồng Giáo sư nhà nước. Các bài báo trong hai tập khối liệu được chọn lọc từ các số tạp chí xuất bản từ năm 2020 đến 2023. Khối liệu tiếng Anh được gán mã từ E1 đến E20 và khối liệu tiếng Việt được gán mã từ V1 đến V20. Khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt được mô tả trong bảng sau:

Bảng 2

Mô tả khối liệu

Khối liệu	Số lượng bài báo	Số từ
Tiếng Anh	20	80243
Tiếng Việt	20	60528

3.2. Khung phân tích biểu thức ngôn ngữ phổ dụng

Như đã đề cập ở trên, nghiên cứu này sử dụng khung phân tích của Hyland (2008) về chuỗi ngôn ngữ phổ dụng trong bài báo khoa học gồm: chuỗi liên quan đến nghiên cứu, chuỗi liên quan đến văn bản, chuỗi liên quan đến tham thể như trong bảng sau:

Bảng 3

Khung phân tích của nghiên cứu

Chuỗi liên quan đến nghiên cứu	Chuỗi liên quan đến văn bản	Chuỗi liên quan đến tham thể
Vị trí	Tín hiệu chuyển tiếp	Thái độ, lập trường
Cách thức	So sánh	Tham thoại
Định lượng	Suy luận	
Mô tả	Nguyên nhân	
Phân nhóm	Cấu trúc	
	Khuôn khổ	
	Trích dẫn	
	Khái quát	
	Mục tiêu	

Theo đó, người nghiên cứu đọc các bài báo trong hai khối ngữ liệu một cách kỹ lưỡng, nhận diện các biểu thức theo chức năng, và phân nhóm theo bảng tham chiếu để tiến hành các bước phân tích dữ liệu và đưa ra các kết luận liên quan. Đối với bước làm sạch dữ liệu, các biểu thức chồng chéo (overlap) sẽ được nhận dạng thành một cụm duy nhất (Chen & Barker, 2010). Ví dụ, hai biểu thức *it is important to* và *it is vitally important to* được quy thành một cụm: *it is important to*; hoặc biểu thức *is composed of* và *was composed of* chỉ được ghi nhận một cụm: *is composed of*.

4. Kết quả

4.1. Chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến nghiên cứu

Có thể thấy rằng trong các biểu hiện của chuỗi biểu thức liên quan đến nghiên cứu, ba chức năng được đề cập nhiều nhất trong cả hai tập khối liệu là “cách thức”, “định lượng” và “mô tả”. Đặc biệt, chức năng “mô tả” chiếm tần suất cao nhất ở hai khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt với tỷ lệ lần lượt là 34,7% và 36,4%, được thể hiện cụ thể trong bảng dưới đây:

Bảng 4

Tần suất xuất hiện của chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến nghiên cứu trong ngữ liệu tiếng Anh và tiếng Việt

Chức năng	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Vị trí	6	5,9%	3	3%
Cách thức	28	27,7%	26	26,3%
Định lượng	26	25,8%	25	25,3%
Mô tả	35	34,7%	36	36,4%
Phân nhóm	6	5,9%	9	9,1%
Tổng	101	100%	99	100%

Bảng sau trình bày một số ví dụ cụ thể về chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến nghiên cứu:

Bảng 5

Ví dụ về chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến nghiên cứu

Chức năng	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Vị trí	<i>In the present study, ...of present study</i>	<i>Trong nghiên cứu này,</i>
Cách thức	<i>by ways of, was designed to..., were selected from..., was used...,</i>	<i>Dựa trên ngữ liệu là, sau khi thu thập ngữ liệu,</i>
Định lượng	<i>A great deal of, a number of, total volume of,</i>	<i>Thu thập thống kê ..., ghi nhận có (số lượng) ...,</i>
Mô tả	<i>The appearance of, greater than, with respect to...</i>	<i>Qua đây có thể thấy, thể hiện rõ nét,</i>
Phân nhóm	<i>a part of, is composed of, comprises</i>	<i>Chia thành hai loại ..., đưa ra hai đặc điểm...</i>

Hai chức năng có tần suất sử dụng thấp gồm “vị trí” và “phân nhóm”. Điều này có thể được lý giải thông qua đặc thù của các nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học. Bên cạnh đó, các biểu thức diễn đạt việc phân nhóm vấn đề nghiên cứu thành các kiểu loại, tiểu loại, thành phần khá hạn chế và chỉ mang tính công thức như: *is composed of, comprises*, v.v. (trong tiếng Anh) và *chia thành, bao gồm, gồm*, v.v. (trong tiếng Việt). Ngược lại, các biểu thức thể hiện

cách thức, định lượng, mô tả nghiên cứu có mức độ đa dạng hơn, trong đó, việc mô tả cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày kết quả thu được chiếm tỷ trọng lớn trong bài nghiên cứu. Vì vậy, chức năng “mô tả” được sử dụng với tần suất cao là điều có thể lý giải được.

Ví dụ sau đây minh họa biểu thức chỉ vị trí trong nghiên cứu của hai tập ngữ liệu:

(1) The primary aim of the present study was to determine whether native English and non-native English RA writers showed any differences in using academic conflict units (ACUs) in the discussion section (E1)

(2) Trong nghiên cứu này, chúng tôi nhìn nhận năng lực văn hóa từ góc độ Hanley đã đề cập đến trong nghiên cứu Beyond the Tip of the Iceberg (V20)

4.2. Chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến văn bản

Về chuỗi biểu thức liên quan đến văn bản, chức năng “trích dẫn” đạt tỷ lệ cao nhất trong khối liệu tiếng Anh (19,7%), theo sau là chức năng “khuôn khổ” (16,6%). Tuy nhiên, trật tự này lại đảo ngược ở khối liệu tiếng Việt khi tỷ lệ “trích dẫn” đứng thứ hai sau “khuôn khổ”. Chức năng “tín hiệu chuyên tiếp”, “mục tiêu” và “suy luận” đều chiếm tỷ lệ cao lần lượt xếp sau hai chức năng kể trên ở hai tập khối liệu:

Bảng 6

Tần suất xuất hiện của chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến văn bản trong ngữ liệu tiếng Anh và tiếng Việt

Chức năng	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Tín hiệu chuyên tiếp	26	13,5%	25	14,2%
So sánh	16	8,3%	12	6,8%
Suy luận	22	11,4%	20	11,4%
Nguyên nhân	18	9,3%	20	11,4%
Cấu trúc	15	7,8%	16	9,1%
Khuôn khổ	32	16,6%	29	16,5%
Trích dẫn	38	19,7%	28	15,9%
Khái quát	3	1,6%	3	1,7%
Mục tiêu	23	11,9%	23	13,1%
Tổng	193	100%	176	100%

Tuy nhiên, số liệu từ bảng thống kê cũng cho thấy rằng tỷ lệ trích dẫn của các bài báo tiếng Anh (38 biểu thức/20 bài báo) vẫn cao hơn so với bài báo tiếng Việt (28 biểu thức/20 bài báo). Để lý giải cho điều này, chúng tôi liên hệ đến một số kết luận đã được rút ra từ các nghiên cứu đi trước. Thứ nhất, trong quá trình nghiên cứu, mặc dù các tác giả Việt Nam có tham khảo các nghiên cứu trong y văn, nhưng việc kế thừa và phát huy các tri thức sẵn có (được biểu đạt dưới dạng các trích dẫn) vẫn chưa được sử dụng thỏa đáng (Nguyễn Văn Tuấn, 2019). Thứ hai, hoạt động nghiên cứu khoa học tại Việt Nam phát triển khá muộn so với các nước phát triển trong khu vực và thế giới, vì vậy, năng lực nghiên cứu của các tác giả cũng tồn tại một số hạn chế nhất định.

Một số ví dụ trích từ ngữ liệu được trình bày trong bảng sau đây:

Bảng 7

Ví dụ về chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến văn bản

Chức năng	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Tín hiệu	In addition, Additionally, On the contrary,	Ngoài ra, Bên cạnh đó,
So sánh	As compared with, In the same vein, By comparison,	Giống như, Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu khác, đồng thuận với nghiên cứu của...,
Suy luận	The results suggest that..., It was suggested that...,	Kết quả nghiên cứu chỉ ra, Trên cơ sở phân tích, Hay nói khác đi, Được coi là..., chủ yếu là do, Kết quả cho thấy,
Nguyên nhân	As a result of, this is due to the fact that...,	Nguyên nhân là do, Vì lý do đó,
Cấu trúc	As described previously, As mentioned earlier,	Thứ nhất, thứ hai, cuối cùng...
Khuôn khổ	In the case of, the extent to which...	Phần nào thảo luận về..., Nhìn từ góc độ, Trong phạm vi bài viết này,
Trích dẫn	Has claimed that..., has documented, have pointed out..., As documented in..., state that..., Chan's findings highlight, This is consistent with, The findings agree with...	Theo tác giả, Đây cũng là quan điểm mà các học giả thể hiện..., Theo rất nhiều học giả, Điều này cũng đúng với quan điểm, ...cũng có cùng quan điểm với, (tác giả) khẳng định, (tác giả) nhấn mạnh, (tác giả) chia sẻ rằng..., Cũng theo (tác giả)...
Khái quát	Little is known about, ...missing from the literature, a good example of, little attention has been devoted to,	Kết quả nghiên cứu góp phần, áp dụng trong thực tiễn, ý nghĩa về mặt học thuật.
Mục tiêu	The study aims at..., the present study sets out to, the study aims to, in attempt to...,	Nghiên cứu này xem xét, Nghiên cứu này được tiến hành, Nghiên cứu này được thực hiện nhằm..., Nghiên cứu này nhằm trả lời, Nghiên cứu tập trung vào...

Một số ví dụ sau đây có chứa biểu thức liên quan đến văn bản trong hai tập ngữ liệu:

(3) This study aims to describe the rhetorical features of Japanese and English research article introductions (RAIs) in the discipline of Japanese Literature (E8).

(4) Nghiên cứu này tập trung vào hiện tượng ẩn dụ tri nhận về đại dịch COVID-19 có miền nguồn CHIẾN TRANH trong các bài báo trên trang tin chuyên về dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp COVID-19 của Bộ Y tế Việt Nam giai đoạn từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 7 năm 2021 (V11).

(5) Lucas & Willis (2012) state that achievements do not permit Type 2 never ‘if the predicate refers to some chance event’... (E10)

(6) Theo Đinh Kiều Châu (2016), thương hiệu nào cũng phải tồn tại dưới dạng một thông điệp có sự tham gia của ngôn ngữ (V13).

4.3. Chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến tham thế

Các biểu thức liên quan đến tham thế chỉ bao gồm hai chức năng “thái độ, lập trường”, “tham thoại”. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy số lượng biểu thức thể hiện thái độ và đánh giá của người viết đạt tần suất cao trong khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt với tỷ lệ lần lượt là 65,7% và 67,7%. Các biểu thức chứa tham thoại, hướng đến độc giả xếp vị trí thứ hai ở cả hai tập khối liệu. Thông qua các biểu thức thể hiện thái độ, tác giả đưa ra những nhận xét, đánh giá về các vấn đề trong nghiên cứu. Đây cũng là những nội dung quan yếu, biểu thị tư duy nghiên cứu sắc bén của tác giả; do đó chức năng “thái độ, lập trường” chiếm tỷ lệ cao nhất là điều hoàn toàn dễ hiểu.

Bảng 8

Tần suất xuất hiện của chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến tham thế trong ngữ liệu tiếng Anh và tiếng Việt

Chức năng	Tiếng Anh		Tiếng Việt	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ %
Thái độ, lập trường	23	65,7%	21	67,7%
Tham thoại	12	34,3%	10	32,3%
Tổng	35	100%	31	100%

Dưới đây là một số ví dụ về các biểu thức biểu đạt chức năng “thái độ, lập trường” và “tham thoại” trong hai tập khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt:

Bảng 9

Ví dụ về chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến tham thế

Chức năng	Tiếng Anh	Tiếng Việt
Thái độ, lập trường	<i>is likely to..., most widely accepted, would be beneficial to</i>	<i>Có thể thấy, một vấn đề khác là, Một điểm đáng lưu ý là, Một điểm đặc biệt nữa là, Hiệu quả cao, là một yếu tố quan trọng, xứng đáng là, hiện chưa có hiện cứu nào...</i>
Tham thoại	<i>It should be noted that..., there is a lack of, remains unexplored, it is unclear whether...</i>	<i>Một trong những đặc điểm nổi bật nhất là...,</i>

Một số trích đoạn minh họa về chuỗi biểu thức phổ dụng liên quan đến tham thể như sau:

(3) *The orientation of Anglophone writers towards an expanding heterogeneous readership is likely to explain the effort they invest in providing instructions and guiding readers through the reasoning chain of the argument* (E4).

(4) *Chúng tôi nhận thấy, các nghiên cứu về biểu ngôn quảng bá hiện nay hầu hết đều dựa trên ngữ liệu là các biểu ngôn quảng cáo sản phẩm thương mại, hiện chưa có hiện cứu nào đề cập tới những biểu ngôn quảng bá thương hiệu của các cơ sở đào tạo, đặc biệt là của các trường đại học* (V13).

5. Thảo luận

Như vậy, kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng về biểu thức điển mẫu liên quan đến nghiên cứu, tỷ lệ biểu thức thuộc chức năng “mô tả” chiếm tỷ lệ cao nhất ở cả hai tập ngữ liệu. Bên cạnh đó, biểu thức liên quan đến văn bản có chức năng “trích dẫn” chiếm tỷ lệ cao trong khối liệu tiếng Anh và tiếng Việt. Về biểu thức liên quan đến tham thể, chức năng thể hiện thái độ, lập trường của tác giả đạt tần suất cao nhất trong hai khối liệu.

Về cơ bản, việc sử dụng các biểu thức để biểu đạt các mục đích giao tiếp của bài báo trong ngữ liệu tiếng Anh và tiếng Việt hầu như tương đồng nhau, ngoại trừ sự khác biệt về tỷ lệ sử dụng biểu thức trích dẫn. Cụ thể, các biểu thức trích dẫn xuất hiện với tần suất ít thường xuyên hơn trong các bài báo tiếng Việt. Các tác giả Việt Nam có xu hướng đưa ra các lý lẽ, luận giải thiếu những căn cứ khoa học để làm vững chắc luận điểm của mình. Điều này làm suy giảm chất lượng bài viết và dẫn đến sự lệch chuẩn so với các quy định của diễn ngôn hàn lâm quốc tế. Các nghiên cứu của Granger (1998) và Howarth (1998) cũng nhận định rằng với kinh nghiệm xuất bản khá hạn chế, các tác giả là người phi bản xứ chưa sử dụng các biểu thức điển mẫu một cách tự nhiên, thỏa đáng và chuẩn mực. Cùng quan điểm này, Chen & Baker (2010) cũng khẳng định trong nghiên cứu của mình rằng các tác giả là chuyên gia (experts) sử dụng nguồn ngôn ngữ điển mẫu sâu rộng và phong phú hơn tác giả phi bản ngữ và tác giả bản ngữ với kinh nghiệm non trẻ. Như vậy, để có thể đáp ứng những chuẩn mực của bài báo theo thông lệ quốc tế, có lẽ rằng các nhà nghiên cứu Việt cần lưu tâm hơn nữa đến việc sử dụng ngôn ngữ điển mẫu với tần suất phù hợp bởi sự thiếu hụt những biểu thức điển dạng cho thấy tác giả còn thiếu kinh nghiệm viết bài nghiên cứu trong cộng đồng của ngành khoa học đó.

Từ kết quả này, nghiên cứu cũng đưa ra khuyến nghị rằng sinh viên đại học, học viên sau đại học, các giảng viên, và các nhà nghiên cứu trẻ cần nâng cao nhận thức về việc sử dụng các biểu thức điển mẫu một cách hợp lý và hiệu quả nhằm nâng cao sức thuyết phục và chất lượng của bài báo. Bởi việc sử dụng ngôn ngữ điển mẫu cần thời gian để thâm nhuần, vì vậy, để nâng cao khả năng sử dụng kiểu loại ngôn ngữ này một cách thành thạo, người viết cần vận dụng các biện pháp hiệu quả như đọc ngẫu nhiên, đọc mở rộng các văn bản học thuật, và sử dụng biểu thức ngôn ngữ điển mẫu thường xuyên và phù hợp trong văn bản viết.

6. Kết luận

Bài nghiên cứu nhằm mục đích nhận diện những đặc điểm tương đồng và khác biệt trong cách sử dụng các biểu thức ngôn ngữ điển mẫu của bài báo khoa học tiếng Anh và tiếng Việt ngành ngôn ngữ học. Dựa vào khung phân tích của Hyland (2008), kết quả cho thấy hầu hết tỷ lệ sử dụng các biểu thức ở khía cạnh liên quan đến Nghiên cứu, Văn bản và Tham thể ở hai tập khối liệu có sự tương đồng đáng kể. Tuy nhiên, khối liệu tiếng Anh có tỷ lệ biểu thức

trích dẫn cao hơn khối liệu tiếng Việt. Kết quả cho thấy các tác giả Việt Nam chưa thật sự chú trọng việc trích dẫn những công bố của các nhà nghiên cứu khác. Vì vậy, để các lập luận trong nghiên cứu trở nên chặt chẽ và xác thực, các nhà nghiên cứu trong nước cần đưa ra những tri thức hỗ trợ được trích dẫn từ các nghiên cứu đi trước. Điều này cũng thể hiện sự nghiêm túc và chuyên nghiệp của tác giả trong việc kế thừa và phát triển các kiến thức từ các tác giả đi trước. Nghiên cứu này đưa ra hàm ý rằng chương trình viết học thuật dành cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và các khóa đào tạo viết bài báo khoa học dành cho giảng viên cần nâng cao nhận thức của các tác giả về vấn đề này, đồng thời cũng cần nhấn mạnh sự cần thiết của việc sử dụng biểu thức trích dẫn phù hợp nhằm gia tăng chất lượng bài báo, nâng cao khả năng được duyệt đăng trên các tạp chí uy tín trong và ngoài nước.

Hạn chế của nghiên cứu này là lượng ngữ liệu chưa đủ lớn, vì vậy, các kết luận mang tính khái quát vẫn cần sự khẳng định thêm từ các nghiên cứu khác. Ngoài ra, tác giả cũng mong muốn đề xuất một số gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo trong tương lai. Cụ thể, nghiên cứu này mới chỉ đối chiếu hai khối liệu bài báo tiếng Anh và bài báo tiếng Việt, vì vậy, cần tiến hành các nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ điển mẫu trong bài báo tiếng Anh của tác giả nước ngoài trên tạp chí quốc tế và bài báo tiếng Anh của tác giả Việt Nam trên tạp chí trong nước. Bên cạnh đó, chúng tôi cũng khuyến nghị các tác giả tiến hành nghiên cứu về biểu thức ngôn ngữ điển mẫu trong các lĩnh vực khác như kinh tế, giáo dục, văn học, luật học, y học, v.v. nhằm đối sánh giữa các ngành và đóng góp thêm vào tri thức điển ngôn về phạm vi nghiên cứu này.

Tài liệu tham khảo

- Ädel, A. (2014). Selecting quantitative data for qualitative analysis: A case study connecting a lexicogrammatical pattern to rhetorical moves. *Journal of English for Academic Purposes*, 16, 68–80.
- Ädel, A., & Erman, A. (2012). Recurrent word combinations in academic writing by native and non-native speakers of English: A lexical bundles approach. *English for Specific Purposes*, 31, 81–92.
- Biber, D., & Barbieri, F. (2007). Lexical bundles in university spoken and written registers. *English for Specific Purposes*, 26(3), 263–286.
- Biber, D., Conrad, S., & Cortes, V. (2003). Lexical bundles in speech and writing: an initial taxonomy. In A. Wilson, P. Rayson, & T. McEnery (Eds.), *Corpus linguistics by the Lune: A Festschrift for Geoffrey Leech* (pp. 71–92). Peter Lang.
- Cao Thị Hồng Phương. (2018). Move analysis of conference abstracts in applied linguistics: Pedagogical implications into language classrooms. *VNU Journal of Foreign Studies*. 34(4), 104-114.
- Casal, E. & Yoon, J. (2023). Frame-based formulaic features in L2 writing pedagogy: Variants, functions, and student writer perceptions in academic writing. *English for Specific Purposes*, 71(3), 102-114.
- Chen, Y., & Baker, P. (2010). Lexical bundles in L1 and L2 academic writing. *Language Learning and Technology*, 14(2), 30–49.
- Cortes, V. (2013). The purpose of this study is to: Connecting lexical bundles and moves in research article introductions. *Journal of English for Academic Purposes*, 12(1), 33–43.
- Cunningham, K. J. (2017). A phraseological exploration of recent mathematics research articles through key phrase frames. *Journal of English for Academic Purposes*, 25(1), 71–83.
- Đinh Thị Xuân Hạnh. (2019). *Đặc điểm liên kết và mạch lạc trong văn bản khoa học (Qua các bài báo khoa học xã hội và nhân văn trên tạp chí khoa học – ĐHQGHN)* (Luận án Tiến sĩ). Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc Gia Hà Nội.
- Ellis, N. C. (2008). Phraseology. The periphery and the heart of language. In F. Meunier, & S. Granger (Eds.), *Phraseology in foreign language learning and teaching* (1–13). John Benjamins.
- Esfandiari, R., & Barbary, F. (2017). A contrastive corpus-driven study of lexical bundles between English writers and Persian writers in psychology research articles. *Journal of English for Academic Purposes*, 29(5), 21–42.

- Flowerdew, J. (2008). Scholarly writers who use English as an additional language: What can Goffman's "Stigma" tell us? *Journal of English for academic purposes*, 7(2), 77-86.
- Gilquin, G., Granger, S., & Paquot, M. (2007). Learner corpora: The missing link in EAP pedagogy. *Journal of English for Academic Purposes*, 6(4), 319-335.
- Granger, S. (1998). Prefabricate patterns in advanced EFL writing: collocations and formulae. In A. P. Cowie (Ed.), *Phraseology: Theory, analysis and applications* (pp. 145-160). Oxford University Press.
- Granger, S. (2003). "The corpus approach: A common way forward for contrastive linguistics and translation studies?". In Granger, S. et al (Eds.), *Corpus-based Approaches to Contrastive Linguistics and Translation Studies*.
- Hoàng Văn Vân. (2020). *Thể loại: dẫn nhập lịch sử, lý thuyết, nghiên cứu và phương pháp giảng dạy*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Howarth, P. (1998). Phraseology and second language proficiency. *Applied Linguistics*, 19(1), 24-44.
- Hyland, K. (2008). Academic clusters: text patterning in published and postgraduate writing. *International Journal of Applied Linguistics*, 18, 41-62.
- Iwatsuki, K., Boudin, F., & Aizawa, A. (2020). Extraction and Evaluation of Formulaic Expressions Used in Scholarly Papers. *Expert System with Application*, 187, 115840.
- Jalali, Z. S., & Moini, M. R. (2014). Structure of lexical bundles in introduction Section of Medical Research Articles. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, 98, 719-726.
- Jalilifar, A. & Qoreishi, S. M. (2018). From the perspective of: Functional Analysis of formulaic sequences in Applied Linguistics Research Articles. *International Journal of English Studies*, 18(2), 161-186.
- Lâm Quang Đông. (2017). Đánh giá ngôn ngữ trong văn bản khoa học tiếng Việt: kết quả bước đầu. *Ngôn ngữ và Đời sống*, 261(7), 3-14.
- Li, J., & Schmitt, N. (2009). The acquisition of lexical phrases in academic writing: a longitudinal case study. *Journal of Second Language Writing*, 18(2), 85-102.
- Liu, D. (2012). The most frequently-used multi-word constructions in academic written English: A multi-corpus study. *English for Specific Purposes*, 31, 25-35.
- Lu, X., Yoon, J., & Kisselev, O. (2018). A phrase-frame list for social science research article introductions. *Journal of English for Academic Purposes*, 36, 76-85.
- McCully, G. (1985). Writing quality, coherence, and cohesion. *Research in the Teaching of English*, 19, 269-282.
- Nguyễn Bích Hồng. (2021). Evaluative Language in Conclusion Sections of Vietnamese Linguistic Research Articles. *VNU Journal of Foreign Studies*, 37(3), 40-59.
- Nguyễn Thị Minh Tâm & Ngô Hữu Hoàng. (2017). Khảo sát tiềm năng cấu trúc thể loại của phần tóm tắt trong các bài báo khoa học tiếng Anh và tiếng Việt theo quan điểm chức năng hệ thống. *Hội thảo khoa học quốc gia Nghiên cứu và giảng dạy bản ngữ, ngoại ngữ và khu vực học trong thời kỳ hội nhập* Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng.
- Nguyễn Thị Thu Thủy. (2012). Động từ tình thái tiếng Anh và tiếng Việt trong các văn bản khoa học xã hội. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, 3(197), 33-39.
- Nguyễn Thị Tuyết Mai. (2019). *Medical case reports in English and Vietnamese: A genre-based analysis* (Luận án Tiến sĩ). Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thụy Phương Lan. (2012). Bước đầu tìm hiểu cấu trúc thể loại và đặc điểm ngôn ngữ của các bài tạp chí chuyên ngành kinh tế tiếng Anh. *Tạp chí Ngôn ngữ*, 6, 67-80.
- Nguyễn Văn Tuấn. (2019). *Đi vào nghiên cứu khoa học*. NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- Omidian, T., Shahriari, H., & Siyanova-Chanturia, A. (2018). A cross-disciplinary investigation of multi-word expressions in the moves of research article abstracts. *Journal of English for Academic Purposes*, 36(6), 1-14.
- Qin, J. (2014). Use of formulaic bundles by non-native English graduate writers and published authors in applied linguistics. *System*, 42(1), 220-231.
- Tariq, M., Ahmad, T. & Rehman, S. (2016). Is English Language a Barrier in Research Productivity Among Information Professionals? A Descriptive Study. *Pakistan Journal of Information Management & Libraries*, 17-18(1), 162-174.

- Tôn Nữ Mỹ Nhật & Nguyễn Thị Diệu Minh. (2020). A study on modality in English-medium research articles. *VNU Journal of Foreign Studies*, 36(6), 74-92.
- Tran, T.; Trinh, T.-P.-T.; Le, C.-M.; Hoang, L.-K.; Pham, H.-H. (2020), Research as a Base for Sustainable Development of Universities: Using the Delphi Method to Explore Factors Affecting International Publishing among Vietnamese Academic Staff. *Sustainability*, 12(8), 1-16.
- Vincent, B. (2013). Investigating academic phraseology through combinations of very frequent words: A methodological exploration. *Journal of English for Academic Purposes*, 12(1), 44-56.
- Wray, A. (2002). *Formulaic language and the lexicon*. Cambridge University Press.

Phụ lục 1

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO TIẾNG VIỆT ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM NGŨ LIỆU

STT	Mã	Tạp chí	Năm xuất bản	Tiêu đề
1.	V1	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(294), 57-62	2020	Vai trò của thuyết đa trí tuệ trong giảng dạy ngoại ngữ cho trẻ nhỏ
2.	V2	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(294), 85-89	2020	Nghĩa biểu trưng của <i>Nước</i> trong thơ Lưu Quang Vũ
3.	V3	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(294), 90-95	2020	Nghĩa biểu trưng của con chuột trong ngôn ngữ và tâm thức văn hóa Việt
4.	V4	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(336), 51-56	2023	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh Cơ khí tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
5.	V5	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(336), 57-64	2023	Nhận thức của giảng viên đại học về việc sử dụng ngữ liệu thực trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh
6.	V6	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(336), 82-88	2023	Chiến lược cấu trúc văn bản nhằm nâng cao khả năng đọc hiểu cho sinh viên không chuyên tiếng Anh
7.	V7	<i>Ngôn ngữ và đời sống</i> , 2(336), 96-100	2023	Động lực học tiếng Anh của sinh viên mỹ thuật ứng dụng (trường hợp Trường Đại học Mỹ thuật Công nghiệp)
8.	V8	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (61), 13-25	2020	So sánh đối chiếu thành ngữ chỉ sự quyết tâm trong tiếng Anh và tiếng Việt từ góc nhìn liên văn hóa
9.	V9	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (62), 24-41	2020	Ẩn dụ tri nhận về mùa hè trong ca từ tiếng Anh và tiếng Việt
10.	V10	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (66), 14-23	2021	Tìm hiểu bố cục tóm tắt của các nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng
11.	V11	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (68), 11-25	2021	Ẩn dụ tri nhận về Covid-19 có miền nguồn là chiến tranh trong trang tin về dịch bệnh đường hô hấp Covid-19 giai đoạn hiện nay.
12.	V12	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (66), 3-13	2021	Nghiên cứu về các loại hình ngữ nghĩa tri nhận của cấu trúc bổ ngữ khả năng “V de/bu qi” trong tiếng Hán hiện đại.

13.	V13	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (72), 3-17	2022	Đặc điểm từ vựng, ngữ pháp của các biểu ngôn quảng bá thương hiệu trường đại học trong tiếng Nhật
14.	V14	<i>Khoa học Ngoại ngữ</i> , (69), 3-9	2022	Một số cách thức sử dụng lời chúc của người Việt trong giao tiếp
15.	V15	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 2(76), 6-14	2022	Mô hình định nghĩa danh từ trong Oxford First Dictionary
16.	V16	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 2(76), 30-36	2022	Phát ngôn có vị từ tác động dời chuyển trong tiếng Việt
17.	V17	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 2(76), 15-21	2022	Một quan điểm phạm trù hóa từ ngữ chỉ màu tiếng Việt
18.	V18	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 1(81), 139-145	2023	Hiện tượng chuyển mã ngôn ngữ trên mạng xã hội Facebook
19.	V19	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 1(81), 114-122	2023	Quang điểm của giảng viên về việc triển khai hoạt động đi thực tế trong giảng dạy tiếng Anh
20.	V20	<i>Từ điển học và bách khoa thư</i> , 1(81), 154-162	2023	Đạy – học tiếng Anh như một ngôn ngữ quốc tế: xem xét cấu trúc chương trình và sách giáo khoa tiếng Anh ở Việt Nam từ góc độ văn hóa

Phụ lục 2

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO TIẾNG ANH ĐƯỢC SỬ DỤNG LÀM NGŨ LIỆU

STT	Mã	Tạp chí	Năm xuất bản	Tiêu đề
1.	E1	<i>English for Specific Purposes</i> , 59, 17-28	2020	Academic conflict in Applied Linguistics research article discussions: The case of native and non-native writers
2.	E2	<i>English for Specific Purposes</i> , 58, 122-137	2020	Analyzing the functions of lexical bundles in undergraduate academic lectures for pedagogical use
3.	E3	<i>English for Specific Purposes</i> , 62, 46-57	2021	Development of component analysis to support a research-based curriculum for writing engineering research articles
4.	E4	<i>English for Specific Purposes</i> , 63, 18-32	2021	Engaging with the reader in research articles in English: Variation across disciplines and

				linguacultural backgrounds
5.	E5	<i>English for Specific Purposes</i> , 64, 55–71	2021	Helping university students discover their workplace communication needs: An eclectic and interdisciplinary approach to facilitating on-the-job learning of workplace communication
6.	E6	<i>English for Specific Purposes</i> , 71, 51–53	2023	Commentary on Chan's (2019) investigation of the communication needs of Hong Kong business professionals: Significance for the field of ESP and further implications for research and practice
7.	E7	<i>English for Specific Purposes</i> , 70, 267–279	2023	Content adaptations in English-medium instruction: Comparing L1 and English-medium lectures
8.	E8	<i>English for Specific Purposes</i> , 69, 19–32	2023	High use of direct questions and relative absence of promotional intention in Japanese peer-reviewed research article introductions compared to their English counterparts
9.	E9	<i>Journal of Linguistics</i> , 56, 745–773.	2020	A conditional learnability argument for constraints on underlying representations
10.	E10	<i>Journal of Linguistics</i> , 57, 1–38.	2021	The grammaticalisation of never in British English dialects: Quantifying syntactic and functional change
11.	E11	<i>Journal of Linguistics</i> , 58, 307–343.	2022	The semantics of conversion nouns and -ing nominalizations: A quantitative and theoretical perspective
12.	E12	<i>Journal of Linguistics</i> , 59, 577–622.	2023	Condition C in German A0-movement: Tackling challenges in experimental research on reconstruction
13.	E13	<i>Journal of Linguistics</i> , 59, 427–457.	2023	Information structural effects in processing contrastive ellipsis: Eye-tracking evidence from a flexible word order language
14.	E14	<i>Journal of Linguistics</i> , 56, 231–268.	2020	The range of linguistic units: Distance effects in English mandative subjunctive constructions

15.	E15	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2020 48(2), 166-198	Three Types of Old English Adjectival Postposition: A Corpus-Based Construction Grammar Approach
16.	E16	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2021 49(1), 39-60	“He loved his father but next to adored his mother”: Nigh(ly), Near, and Next (To) as Downtoners
17.	E17	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2021 49(3), 255-282	Academic Naming: Changing Patterns of Noun Use in Research Writing
18.	E18	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2022 50(1), 39-71	Regional Variation and Syntactic Derivation of Low-frequency NEED-passives on Twitter
19.	E19	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2022 50(2) 142–168	A Diachronic Study of Modals and Semi-modals in Indian English Newspapers
20.	E20	<i>Journal of English Linguistics</i> , 2023 51(2) 162–190	<i>According to</i> NP: A Diachronic Perspective on a Skeptical Evidential

A CONTRASTIVE ANALYSIS OF FORMULAIC EXPRESSIONS IN LINGUISTICS RESEARCH ARTICLES

Pham Thi To Loan

Thuongmai University, 79 Ho Tung Mau, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Abstract: The study aims at identifying the similarities and differences in the use of formulaic expressions in 40 English-medium and Vietnamese-medium linguistics research articles in domestic and international journals. Drawing on the framework of Hyland (2008), the results revealed that the two corpora shared a number of similarities in terms of frequency of Research oriented, Text oriented and Participant oriented expressions. However, regarding citation, English corpus used higher proportion of formulaic expressions than Vietnamese one. This meant Vietnamese authors paid less attention in citing previous studies. Thus, this study offers the implication that academic writing courses and research article writing training workshops for students and teachers should place emphasis on the use of proper formulaic expressions of citation in order to enhance the quality of manuscripts when they are submitted to prestigious national and international scholarly journals.

Keywords: expressions, formulaic language, research articles, linguistics, contrastive analysis